

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-ST

Ngày: 16 - 7 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Lệ;

Ông Phan Phi Anh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T sinh ngày 24/02/1997, tại Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: tiểu khu Đông Đoài, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: thôn Tân Kiên, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, Quảng Trị; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Vũ Thị L, sinh năm 1975; vợ Đinh Thị Diệu H, sinh năm 2001; có 02 con (lớn sinh năm 2022; nhỏ sinh năm 2024)

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2024 đến ngày 30/01/2024; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1987; nơi cư trú: khu phố 2, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn An Trú, xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Chị Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Thuận Chánh An, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. Chị Hồ Thị Diệu H, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố 9, phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

5. Chị Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1996; nơi cư trú: khóm 5, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

6. Chị Đinh Thị Diệu H, sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn Tân Kiên, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Nguyễn Văn T hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo hình thức cho vay trả góp (tức là tiền gốc và tiền lãi được trả theo từng ngày) và thu một khoản tiền gọi là tiền phí vay. Khi có khách cần vay tiền gọi điện thoại thì Tuấn hẹn gặp gỡ, kiểm tra, xác minh nơi cư trú của người vay. Từ ngày 16/9/2023 đến tháng 11/2023, Tuấn thuê Lã Đức T lương 6.000.000đ/tháng giúp sức thực hiện các hoạt động cho vay đối với bà Trương Thị Mỹ Trang và bà Hồ Thị Diệu H. Cụ thể:

1. Trần Thị Thu H, sinh năm 1987, trú tại khu phố 2, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị: Tháng 10/2022, vay 20.000.000 đồng, lãi suất 8.750 đồng/triệu/ngày (tương đương 319%/năm), trả góp trong 32 ngày, thu phí vay 500.000 đồng. Chị Hà trả hết tiền gốc và 5.600.000 đồng tiền lãi. Tuấn thu lợi bất chính là 5.749.318 đồng.

2. Lê Thị Mỹ T; sinh năm 1981, trú tại thôn An Trú, xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị: Tháng 3/2023, vay 10.000.000 đồng, lãi suất 6.667 đồng/triệu/ngày (tương đương 243%/năm), trả góp trong vòng 30 ngày, thu phí vay 400.000 đồng. Chị T đã trả hết tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Tuấn thu lợi bất chính là **2.235.618** đồng.

3. Trương Thị Mỹ T; sinh năm 1985, trú tại thôn Thuận Chánh An, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị: T vay 1.890.000.000 đồng, lãi suất từ 5.538 đồng/triệu/ngày (tương đương 202%/năm) đến 18.947 đồng/triệu/ngày (tương đương 692%/năm), thu phí vay **75.600.000** đồng. Chị T trả **680.400.000** đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính **724.318.109** đồng. Cụ thể:

- Khoản vay 1: Ngày 09/4/2023, vay 70.000.000 đồng, lãi suất 13.846 đồng/triệu/ngày (tương đương 505%/năm), trả góp trong 26 ngày, thu phí vay là 2.800.000 đồng. Đến ngày 05/05/2023, chị T trả hết tiền gốc và 25.200.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 27.002.749 đồng.

- Khoản vay 2: Ngày 26/4/2023, vay 200.000.000 đồng, lãi suất 8.372 đồng/triệu/ngày (tương đương 306%/năm), trả góp trong 43 ngày, tiền phí vay là 8.000.000 đồng. Đến ngày 07/6/2023 chị T trả hết tiền gốc và 72.000.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 75.287.716 đồng.

- Khoản vay 3: Ngày 5/5/2023, vay 70.000.000 đồng, lãi suất 6.429 đồng/triệu/ngày (tương đương 235%/năm), trả góp trong 56 ngày, thu phí vay là 2.800.000 đồng. Đến ngày 29/06/2023, chị T trả hết tiền gốc và 25.200.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 25.852.075 đồng.

- Khoản vay 4: Ngày 07/6/2023, vay 200.000.000 đồng, lãi suất 13.652 đồng/triệu/ngày (tương đương 571%/năm), trả góp trong 23 ngày, thu phí vay 8.000.000 đồng. Đến ngày 29/6/2023, chị T trả hết tiền gốc và 72.000.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 77.479.476 đồng.

- Khoản vay 5: Ngày 29/6/2023, vay 70.000.000 đồng, lãi suất 18.947 đồng/triệu/ngày (tương đương 692%/năm), trả góp trong 19 ngày, tiền phí vay là 2.800.000 đồng. Đến ngày 17/07/2023, chị T trả hết tiền gốc và 25.200.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 27.271.240 đồng.

- Khoản vay 6: Ngày 29/6/2023, vay 200.000.000 đồng, lãi suất 18.947 đồng/triệu/ngày (tương đương 692%/năm), trả góp trong 19 ngày, thu phí vay là 8.000.000 đồng. Đến ngày 17/07/2023, chị T trả hết tiền gốc và 72.000.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 77.917.828 đồng.

- Khoản vay 7: Ngày 17/7/2023, vay 270.000.000 đồng, lãi suất 18.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 657%/năm), trả góp trong 20 ngày, thu phí vay 10.800.000 đồng. Đến ngày 05/08/2023, chị T trả hết tiền gốc và 97.200.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 105.041.124 đồng.

- Khoản vay 8: Ngày 05/8/2023, vay 270.000.000 đồng, lãi suất 18.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 657%/năm), trả góp trong 20 ngày, thu phí vay 10.800.000 đồng. Đến ngày 25/08/2023, chị T trả hết tiền gốc và 97.200.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 105.041.124 đồng.

- Khoản vay 9: Ngày 25/8/2023, vay 270.000.000 đồng, lãi suất 18.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 657%/năm), trả góp trong 20 ngày, thu phí vay 10.800.000 đồng. Đến ngày 13/09/2023, chị T trả hết tiền gốc và 97.200.000 đồng tiền lãi. T thu lãi bất chính 105.041.124 đồng.

- Khoản vay 10: Ngày 13/9/2023, vay 270.000.000 đồng lãi suất 5.538 đồng/triệu/ngày (tương đương 202%/năm), trả góp trong 65 ngày, thu phí vay 10.800.000 đồng. Đến ngày 16/11/2023, chị T trả hết tiền gốc và 97.200.000 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 98.383.653 đồng.

4. Hồ Thị Diệu Hằng; sinh năm 1986, trú tại khu phố 9, phường 5, thành phố Đông Hà, Quảng Trị) vay góp số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 21.429%/triệu/ngày (tương đương 782.1%/năm), thu phí vay 1.000.000 đồng. Chị H trả tổng số tiền lãi là 5.464.118 đồng. T thu lợi bất chính 6.324.393 đồng.

- Khoản vay 1: Giữa tháng 10/2023, vay 5.000.000 đồng, lãi suất 21.429%/triệu/ngày, trả góp trong 29 ngày, thu phí vay 500.000 đồng. Chị H đã trả 3.107.118 đồng tiền lãi. T thu lợi bất chính 3.527.667 đồng.

- Khoản vay 2: Sau khi trả tiền lãi của khoản vay 1, chị H vay thêm số tiền 5.000.000 đồng với thời hạn và lãi suất như gói vay trước, trả tiền phí vay 500.000 đồng. Chị H thỏa thuận dồn khoản vay này vào khoản vay 1 thành 10.000.000 đồng. Chị H đã trả 8.643.000 đồng tiền gốc và 2.357.000 đồng tiền lãi trong 22 ngày, còn nợ lại **367.000 đồng tiền gốc**. thu lợi bất chính 2.761.111 đồng.

Cáo trạng số: 45/CT-VKS-P1 ngày 05/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 BLHS, xử phạt từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

Biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Sung quỹ Nhà nước số tiền 1.930.000.000 đồng T sử dụng cho vay lãi nặng, trong đó: Buộc T phải nộp số tiền gốc những người vay đã trả là 1.929.633.000 đồng; buộc bà Hồ Thị Diệu Hằng phải nộp số tiền gốc chưa trả là **367.000 đồng**.

Buộc T phải nộp số tiền lãi đã thu 32.336.679 đồng, để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo T trả lại số tiền thu lợi cho chị Trương Thị Mỹ T 724.318.109 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước điện thoại Iphone 6, số IMEI: 355689073921927; điện thoại Iphone 12 Pro Max, số IMEI: 35450612571724 của Nguyễn Văn Tuấn là phương tiện dùng giao dịch trong hoạt động cho vay, trả lãi.

Trả lại cho chị Phan Thị Ngọc H: Giấy chứng nhận đăng ký xe 74F1-385.50 số 74007578, Giấy phép lái xe số 453211964415, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, số 30G8003677.

Trả lại cho chị Trần Thị Thu H căn cước công dân số 045187005023.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Diệu H:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 517868 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28/7/2023 cho ông Vương Đình Hạnh (sinh năm 1980, CCCD số 040080019595 và bà Lê Thị Minh sinh năm 1978, CCCD số 045178002892) kèm theo 02 (hai bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa ông H bà Lê Thị M với Nguyễn Văn T và Đinh Thị Diệu H

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 517867 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28/7/2023 cho ông Vương Đình H (sinh năm 1980, CCCD số 040080019595 và bà Lê Thị M sinh năm 1978, CCCD số 045178002892) kèm theo 02 (hai bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa ông H, bà M với Nguyễn Văn T và Đinh Thị Diệu H.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 282295 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/7/2022. Ngày 24/8/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị chi nhánh huyện Triệu Phong đã đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị Diệu Ldo nhận chuyển nhượng. Kèm theo 03 (ba bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hạnh, bà Nguyễn Thị Diệu L với Nguyễn Văn T và Đinh Thị Diệu H.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 01/2024, Nguyễn Văn T cho 04 người vay với tổng số tiền 1.930.000.000đồng, thu lãi suất từ 5.538đồng đến 18.947 đồng/triệu/ngày (tương đương 202%/năm đến 692%/năm), gấp 10.1 lần đến 34.6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 (20%/năm) và thu tiền phí vay là 77.500.000đồng với tổng số tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là 738.627.439đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Nguyễn Văn T là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung tội phạm này trong tình hình hiện nay. Tuy nhiên bị cáo thực hiện việc cho vay không có tính chất chuyên nghiệp nên để thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật cần xem xét cho bị cáo được sửa chữa lỗi lầm của mình và xét thấy khung hình phạt có quy định hình phạt tiền là hình phạt chính và theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt **chính** đối với bị cáo Nguyễn Văn Tuấn như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm và phù hợp.

[5] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra chị Trương Thị Mỹ T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi quá mức lãi suất mà Bộ luật dân sự quy định nên buộc bị cáo Nguyễn Văn Tuấn phải trả cho chị Trang số tiền 724.318.109. đồng.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc mà bị cáo sử dụng để cho vay là **1.930.000.000 đồng** (trong đó: buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền là

1.929.633.000 đồng; buộc chị Hồ Thị Diệu H phải nộp số tiền gốc chưa trả là 367.000 đồng).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi mà bị cáo đã thu theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự 32.336.679 đồng.

Đối với số tiền lãi trên mức quy định của Bộ luật dân sự và tiền phí mà bị cáo thu của chị Trần Thị Thu H Lê Thị Mỹ Tr, Hồ Thị Diệu H: Do chị Trần Thị Thu H, Lê Thị Mỹ T, Hồ Thị Diệu H không yêu cầu bị cáo Trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 điện thoại di động của bị cáo đã sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với vật chứng hiện được lưu giữ tại hồ sơ vụ án không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe 74F1-385.50 số 74007578, Giấy phép lái xe số 453211964415, giấy chứng nhận đăng kí hộ kinh doanh, số 30G8003677 mang tên Phan Thị Ngọc H;

- 01 căn cước công dân số: 045187005023 mang tên Trần Thị Thu H

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 517868 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28/7/2023 cho ông Vương Đình Hạnh (sinh năm 1980, CCCD số 040080019595 và bà Lê Thị Minh sinh năm 1978, CCCD số 045178002892) kèm theo 02 (hai bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa ông H, bà Lê Thị M với Nguyễn Văn T và Đình Thị Diệu H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 517867 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28/7/2023 cho ông Vương Đình H (sinh năm 1980, CCCD số 040080019595 và bà Lê Thị Minh năm 1978, CCCD số 045178002892) kèm theo 02 (hai bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa ông Hạnh, bà Minh với Nguyễn Văn T và Đình Thị Diệu H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 282295 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/7/2022. Ngày 24/8/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị chi nhánh huyện Triệu Phong đã đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị Diệu L do nhận chuyển nhượng. Kèm theo 03 (ba bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa ông H, bà Nguyễn Thị Diệu L với Nguyễn Văn T và Đình Thị Diệu H.

[7]. Đối với đối tượng có liên quan:

Đối với Lã Đức T, trong quá trình điều tra vụ án đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị ra Quyết định truy nã số 492/QĐTN-CSHS ngày 04/5/2024 và ngày 11/5/2024 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Lã Đức T. Khi nào bắt được sẽ phục hồi xử lý theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tuấn phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 1, **khoản 2** Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả cho chị Trương Thị Mỹ T số tiền 724.318.109 đồng (*Bảy trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm mười tám nghìn, một trăm lẻ chín đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.961.696.679 đồng (*Một tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng*).

- Buộc chị Hồ Thị Diệu H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền **367.000** đồng (*ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình **sự**; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

** Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:*

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (*không kiểm tra được đời máy và số Imei do máy không khởi động lên được*)

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (*không kiểm tra được đời máy và số Imei do máy không khởi động lên được*)

(Vật chứng trên hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/6/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Trị với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

** Trả lại cho chị Phan Thị Ngọc H:* Giấy chứng nhận đăng ký xe 74F1-385.50 số 74007578, Giấy phép lái xe số 453211964415, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, số 30G8003677 mang tên Phan Thị Ngọc H

** Trả lại cho chị Trần Thị Thu Hà:* 01 căn cước công dân số: 045187005023 mang tên Trần Thị Thu H

** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Diệu H:*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 517868 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28/7/2023 cho ông Vương Đình H (sinh năm 1980, CCCD số 040080019595 và bà Lê Thị M sinh năm 1978, CCCD số 045178002892) kèm theo 02 (hai bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa ông H, bà Lê Thị M với Nguyễn Văn T và Đinh Thị Diệu H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 517867 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28/7/2023 cho ông Vương Đình Hạnh (sinh năm 1980, CCCD số 040080019595 và bà Lê Thị Minh sinh năm 1978, CCCD số 045178002892) kèm theo 02 (hai bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa ông H, bà M với Nguyễn Văn T và Đinh Thị Diệu H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 282295 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/7/2022. Ngày 24/8/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị chi nhánh huyện Triệu Phong đã đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị Diệu Ldo nhận chuyển nhượng. Kèm theo 03 (ba bản) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà Nguyễn Thị Diệu L với Nguyễn Văn T và Đinh Thị Diệu H.

(Vật chứng trên hiện có tại hồ sơ vụ án).

4. Về Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tp Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Phước

